TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2021/DS-ST
Ngày: 15/7/2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Phượng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Tư**.

Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Đang,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 101/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2021/QĐST-DS ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1965 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số R, đường Nguyễn C, Khu phố L, Phường F, thị xã C, tỉnh T.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Trần Lâm Hồng N**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Vào ngày 25/10/2019 bà có cho chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Chị N có viết biên nhận nợ và ký tên, không thỏa thuận lãi suất, Chị N hứa trong thời hạn 02 tháng sẽ trả lại số tiền trên cho bà. Đến thời hạn trả nợ bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng Chị N cứ hứa hẹn mà không thực hiện việc trả nợ nên bà yêu cầu Chị N phải trả cho bà số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,

quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng Chị N vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc bà Đ khởi kiện chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Đ yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N trả số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự thì đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Chị N có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn bà Trần Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà Đ và Chị N theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Bà Trần Thị Đ yêu cầu chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N trả số tiền vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi. Xét yêu cầu của bà Trần Thị Đ là có căn cứ, bởi lẽ theo biên nhận ngày 25 tháng 10 (không có năm) thì Chị N có mượn (vay) của bà Đ số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), hứa sẽ trả trong thời hạn 02 tháng, Chị N tự viết và ký tên vào biên nhận nợ. Đến thời hạn trả nợ thì Chị N không trả nợ mà cố tình kéo dài thời gian gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ. Chị N không có ý kiến gì về việc bà Đ khởi kiện và biên nhận nợ ngày 25 tháng 10 (Theo bà Đ trình bày là năm 2019). Theo qui định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh là một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N phải trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) là phù hợp qui định của pháp luật.

[3] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: **1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

Buộc chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N phải trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 30.000.000đ (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí: Chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N phải chịu 1.500.000đ (Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Đ số tiền 750.000đ (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000031 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.Cai Lậy;
- CCTHADS H.Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Phượng